

Số: 34/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Giữ nguyên phạm vi và ranh giới lập quy hoạch tại Quyết định số 2084/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2011, cụ thể: Toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Nam Định; huyện Mỹ Lộc; các xã: Đại An, Thành Lợi và Tân Thành của huyện Vụ Bản và các xã: Nam Mỹ, Nam Toàn, Hồng Quang, Điền Xá và Nghĩa An của huyện Nam Trực.

Giới hạn:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Hà Nam.
- Phía Tây giáp phần còn lại của huyện Vụ Bản.
- Phía Nam giáp phần còn lại của huyện Vụ Bản và Nam Trực.
- Phía Đông giáp tỉnh Thái Bình.

b) Quy mô lập quy hoạch: khoảng 18.799 ha.

2. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Mục tiêu

Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định với những vị thế và xu hướng phát triển mới, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, khai thác có hiệu quả những tiềm năng phát triển của thành phố theo hướng phát triển bền vững.

Xây dựng Nam Định thành một thành phố văn minh, thân thiện với môi trường với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại phòng tránh hiệu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển Nam Định gắn với những tiềm năng nổi trội về văn hóa lịch sử, giáo dục, công nghiệp và dịch vụ.

Làm cơ sở để quản lý và phát triển đô thị. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sớm đưa Nam Định thành một thành phố trung tâm của Vùng.

4. Tính chất

- Là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định.

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - đào tạo, y tế dịch vụ du lịch của Vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Là đô thị có các giá trị văn hóa, lịch sử nổi trội.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

5. Dự báo phát triển sơ bộ

Về dự báo phát triển dân số

- Dân số đến năm 2030: khoảng 520.000 - 547.000 người.

- Dự báo đến năm 2040 khoảng 600.000 - 621.000 người.

(Dự báo quy mô đất đai và dân số sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch. Các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật áp dụng theo tiêu chuẩn đô thị loại I. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế phù hợp).

6. Những yêu cầu trọng tâm cần nghiên cứu

- Rà soát nội dung quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2011 và đối chiếu, rà soát với tình hình thực tiễn phát triển đô thị tại thành phố Nam Định. Nghiên cứu các định hướng từ các quy hoạch cấp trên và các biến động mới về phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, tỉnh để tìm ra các vấn đề cần điều chỉnh trong quy hoạch chung lần này.

- Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong bối cảnh phát triển mới. Xây dựng tầm nhìn và các chiến lược mới để phát triển thành phố từ nay đến 2040 và tầm nhìn 2050 theo hướng bền vững.

- Đề xuất các điều chỉnh về cấu trúc đô thị, về phân khu chức năng, bố trí các trung tâm đô thị, quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp về thiết kế đô thị và quản lý đô thị theo quy hoạch.

Xây dựng các chương trình và các dự án chiến lược ưu tiên đầu tư. Các chương trình và dự án có tính khả thi cao, có tính linh hoạt, đáp ứng các nhu cầu trước mắt về phát triển cũng như có tính ổn định lâu dài là động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của thành phố.

7. Các yêu cầu chính về nội dung hồ sơ quy hoạch

a) Phân tích vị thế và bối cảnh phát triển vùng

Phân tích vai trò, vị thế thành phố Nam Định trong mối quan hệ với Vùng tỉnh, Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng duyên hải Bắc Bộ và Quốc gia. Đánh giá những tiềm năng và động lực phát triển, các ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Tập trung đánh giá sâu các tiềm năng, thế mạnh nổi trội của Nam Định trong Vùng về các lĩnh vực văn hóa lịch sử, giáo dục đào tạo, công nghiệp và dịch vụ để làm tiền đề phát triển thành phố đến 2040 tầm nhìn đến 2050.

b) Đánh giá hiện trạng

- Phân tích đánh giá các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất..., đặc điểm cảnh quan sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa du lịch thành phố Nam Định và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển thành phố Nam Định. Đánh giá về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu: du lịch, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... Hiện trạng dân cư, lao động, việc làm.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và không gian cảnh quan: Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng với yêu cầu phát triển.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn. Xác định những vấn đề còn tồn tại về hệ thống hạ tầng xã hội để đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại I.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Xác định những vấn đề còn tồn tại về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị để đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại I.

- Rà soát các chương trình, dự án, đồ án có liên quan và tình hình thực hiện Quy hoạch chung năm 2011 đến nay.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các nội dung trọng tâm cần điều chỉnh trong quy hoạch mới.

c) Dự báo và đề xuất mô hình phát triển

Dự báo phát triển đến 2040 và xác định tầm nhìn của đô thị Nam Định đến năm 2050 dựa trên các tiềm năng và thế mạnh đặc trưng. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan.

d) Định hướng phát triển không gian, phân khu chức năng, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Lựa chọn phương án điều chỉnh về cấu trúc đô thị đảm bảo khai thác tối đa các lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai và hạ tầng. Lưu ý khai thác các yếu tố về cảnh quan tự nhiên, mặt nước (Sông Đào, sông Hồng, sông Vĩnh Giang) vào khai thác trong không gian đô thị.

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị cần điều chỉnh. Điều chỉnh, phân bố lại các đơn vị ở; hệ thống các trung tâm đô thị; hệ thống công viên cây xanh, thể dục thể thao; các khu, cụm công nghiệp tiểu thủ công nghệ, kho tàng, bến bãi... và các khu chức năng khác.

- Đề xuất điều chỉnh các trung tâm đô thị, các khu chức năng phải phù hợp với tình hình hiện trạng, nhu cầu đầu tư và phát triển của thành phố để đảm bảo tính khả thi khi triển khai.

- Thiết kế đô thị:

Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, khu vực cửa ngõ của đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh - mặt nước, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu đô thị hiện hữu và vùng mở rộng.

- Xác định các giải pháp bảo tồn và phát huy có hiệu quả các không gian đô thị có giá trị văn hóa lịch sử như khu vực đô thị lịch sử hiện hữu, các cụm, các quần thể di tích văn hóa - lịch sử có giá trị đặc biệt của tỉnh và Quốc gia.

- Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn

Xác định chức năng sử dụng đất cho các khu vực; xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; đề xuất kế hoạch sử dụng đất phù hợp với từng giai đoạn phát triển; xác định quỹ đất dự kiến xây dựng phát triển đô thị, ranh giới phát triển đô thị và các khu vực trong đô thị.

đ) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý cho đô thị và các khu vực xây dựng khác; đảm bảo an toàn về lũ, úng; phòng tránh các hiểm họa thiên tai... nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp kè chắn chống xói lở. Khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng do cấu tạo về địa chất, địa hình, thiên tai.

- Giao thông: Tổ chức mạng lưới giao thông bao gồm giao thông đối ngoại, giao thông đô thị và giao thông đường thủy, hệ thống giao thông tỉnh trong phát triển đô thị, phân loại phân cấp các tuyến giao thông đô thị và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ. Đề xuất mạng lưới và các công trình hỗ trợ phát triển giao thông công cộng hoạt động trong đô thị cũng như kết nối với các đô thị khác, các vùng lân cận. Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình đầu mối giao thông. Lưu ý các giải pháp về giao thông tỉnh và giao thông công cộng đáp ứng các yêu cầu của đô thị loại I.

- Cấp nước: Phân tích đánh giá tài nguyên nước, đề xuất các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước. Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước trong sản xuất, trong sinh hoạt, dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật.

- Cấp điện, chiếu sáng: Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng thông minh. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng khác (nếu có).

- Thông tin liên lạc: Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch và mạng lưới truyền dẫn quang đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị theo mô hình đô thị thông minh.

- Thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: Xác định tiêu chuẩn và dự báo khối lượng thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và nhà tang lễ trong đô thị.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo và đề xuất giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục thiên tai, trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng toàn quốc mới nhất và các nghiên cứu cụ thể đối với thành phố Nam Định.

- Dự báo các tác động môi trường từ các hoạt động phát triển đô thị dân cư, sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, giao thông, công nghiệp, khai thác khoáng sản, cảng... Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

g) Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện.

h) Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch.

8. Hồ sơ sản phẩm:

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Nam Định.

- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập quy hoạch; phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT các Vụ: TH, NN, KTTH, QHĐP, KGVX, NC;
- Lưu: VT, CN (2). PC *đđ*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng